Những bài văn mẫu Bình giảng bài thơ Cảm hoài của tác giả Đặng Dung Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

Bình giảng bài thơ Cảm hoài của tác giả Đặng Dung Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1

Nhận xét về bài thơ Đặng Dung, nhà thơ Lý Tử Tấn đã từng nhận xét "Phi hào kiệt chi sĩ bất năng" (Không phải kẻ sĩ hào kiệt thì không làm nổi). Quả đúng như vậy, bằng tấm lòng yêu nước cao đẹp cùng ý thức sâu sắc về trách nhiệm của "kẻ làm trai", Đặng Dung trong Cảm hoài đã thể hiện được khát khao cống hiến, cứu nước giúp đời mạnh mẽ đồng thời thể hiện tâm trạng xót xa, đau khổ khi chưa kịp hoàn thành nghiệp lớn thì tuổi già đã đến.

Mở đầu bài thơ, Đặng Dung đã phản ánh được tình hình thế sự của nước ta vào những năm 1407 – 1409 khi quân Minh kéo vào đóng chiếm Đại Việt. Bất bình trước sự cuồng loạn của giặc Minh, mong muốn được mang sức lực ra cứu nước, cứu đời nhưng bất lực vì tuổi đã già. Nhìn thế sự đảo điên trong sự bất lực, bi kịch của người anh hùng lỡ thời thể hiện rõ nét qua hai câu thơ đầu tiên của bài:

"Thế sự du du nại lão hà,

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca."

(Sự đời dằng dặc mà ta già rồi, biết làm sao đây

Trời đất mênh mông thu vào trong cuộc rượu hát nghêu ngao)

"Thế sự du du" phản ánh được cái dằng dặc, phức tạp của xã hội trong cơn biến loạn dữ dội. Thời thế đảo điên với sự ngông cuồng cướp phá của giặc đã khơi dậy sự bất bình sâu sắc, nhà thơ khát khao được nhập cuộc, góp phần công sức cho sự nghiệp đấu tranh, bảo vệ non sông, đất nước nhưng đành bất lực trong tiếng thở dài vì tuổi đã già. Câu thơ mang hình thức của câu hỏi đã thể hiện sự trăn trở, day dứt khôn nguôi của người anh hùng lỡ thời có chí lớn nhưng lực bất tòng tâm.

Để vơi đi nỗi đau đớn, uất hận nhà thơ đã tìm đến những cuộc rượu dài, đắm chìm vào những lời hát nghêu ngao. Từ những trải nghiệm về cuộc đời, nhà thơ Đặng Dung đã thể hiện quan điểm về vận khứ của người anh hùng trước sự thành bại của sự nghiệp:

"Thời lai đồ điếu thành công dị,

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa"

(Khi gặp thời thì anh hàng thịt, người câu cá cũng dễ lập công

Nếu thời vận đã qua thì anh hùng cũng chỉ uống hận)

Câu thơ đã sử dụng điển tích về thuở hàn vi của Phàn Khoái (khi trẻ từng là người bán thịt chó), Hàn Tín (làm nghề câu cá), từng làm những công việc tầm thường nhưng sau này đã giúp Lưu Bang làm nên sự nghiệp lớn. Nhà thơ đã thể hiện quan niệm về thời thế, khi gặp thời những kẻ đồ điếu, những người làm công việc tầm thường cũng có thể làm nên nghiệp lớn. Những người anh hùng dẫu tài năng, mạnh mẽ nếu lỡ thời cũng phải nếm trải những cay đắng, uất hận.

Trong hai luận của bài thơ, Đặng Dung đã xây dựng thành công hình tượng người anh hùng đầy kì vĩ, tráng lệ với khát vọng lớn lao:

“Trí chủ hữu hoài phù địa trục,

Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà”

(Muốn giúp vua chúa, ôm hoài bão nâng trục trái đất mà xoay chuyển lại

Mong rửa sạch giáp binh nhưng không có lối để kéo ngân hà xuống)

Để nói lên chí khí, khát vọng của bản thân, Đặng Dung đã sử dụng hai hình ảnh kì vĩ, mang tầm vóc vũ trụ là “phù địa trục” và “vấn thiên hà”. Đó là khát vọng thành thực, đẹp đẽ nhất trong cuộc đời của người anh hùng Đặng Dung. Nhà thơ khát khao xoay chuyển trái đất, xoay vần thế sự, mong muốn được đóng góp sức lực,. tài năng cho sự nghiệp cứu nước của vua chúa. Không chỉ khát khao cống hiến tài năng mà nhà thơ Đặng Dung còn có mong muốn đầy nhân văn, mong muốn tẩy rửa giáp binh, nhà thơ ước mơ về một tương lai hòa bình thịnh trị không còn đao binh, chết chóc.

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,

Kỉ độ long tuyền đới nguyệt ma

Hình ảnh người anh hùng mài kiếm dưới ánh trăng mang đến bao xúc động, dù mái đầu đã bạc theo thời gian nhưng chí khí của người anh hùng Đặng Dung chưa lúc nào vơi bớt, lí tưởng cứu nước cứu đời vẫn mãi sục sôi. Hình ảnh “long tuyền” (gươm báu) ẩn dụ cho khát vọng giết giặc, trả mối thù cho đất nước, mang đến thái bình thịnh trị cho nhân dân đã làm nổi bật tấm lòng đẹp đẽ, cao cả của Đặng Dung. Đây cũng là hai câu thơ đẹp nhất, chói sáng hào khí đông a trong thơ văn Lý- trần

Cảm hoài là bài thơ thấm đượm tinh thần yêu nước, phản ánh hào khí đông A đầy mạnh mẽ thời Lý Trần, qua bài thơ ta cũng cảm nhận được lí tưởng, khát vọng cao đẹp của người anh hùng lỡ thời Đặng Dung.

Văn mẫu lớp 10 Bình giảng bài thơ Cảm hoài của tác giả Đặng Dung mẫu 2

Đặng Dung là danh tướng đời Hậu Trần, theo Trần Trùng Quang chống giặc Minh, lập được nhiều chiến công rất oanh liệt, về sau ông bị giặc bắt, giải về Trung Quốc, dọc đường nhảy xuống sông tự tử. Ông chỉ để lại một bài thơ duy nhất, bài "Cảm hoài" được coi là bài thơ bi hùng nhất trong nền văn thơ cổ điển Việt Nam đầu thế kỉ XV. Nguyên tác bằng chữ Hán, viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật:

"Thế sự du du nại lão hà,

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.

Thời lai đồ điếu thành công dị,

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.

Trí chủ hữu hoài phù địa trục,

Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,

Kỉ độ long tuyền đái nguyệt ma".

Bình giảng bài thơ "Cảm hoài" của Đặng Dung

Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần suy vong. Hồ Quý Ly đã cướp ngôi nhà Trần lập ra triều đại mới. Nhưng chẳng bao lâu, nhà Minh đem quân sang xâm lược nước ta: "Quân cuồng Minh đã thừa cơ gây họa – Bọn gian tà còn bán nước cầu vinh" (Bình Ngô đại cáo). Nước ta bị quân giặc chiếm đóng, thành Thăng Long bị chúng đổi thành Đông Quan. Dân tộc ta chìm trong đau thương tang tóc. Cha con Hồ Quý Ly bị giặc bắt đưa về Trung Quốc. Một bộ phận quý tộc nhà Trần tổ chức kháng chiến, tiêu biểu là Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng. Nhưng đại sự không thành, nhiều anh hùng bị giặc bắt, bị giặc giết, trong đó có Đặng Dung. Cảm hoài đã nói lên nỗi lòng của Đặng Dung

Bài thơ "Cảm hoài" được Đặng Dung viết trong những năm tháng cầm quân đánh giặc cứu nước. Bài thơ là tiếng nói, là nỗi lòng của một thế hệ anh hùng cay đắng

trước cảnh nước mất, nhân dân lầm than, quyết chiến đấu phục thù rửa hận. Hai câu đầu phản ánh "thế sự" nước ta vào những năm 1407, 1408, 1409… khi quân "cuồng Minh" như sóng dữ ngập tràn non sông Đại Việt. Như một tiếng than khi đứng nhìn thời cuộc:

"Việc đời thì dằng dặc mà ta đã già rồi, biết làm thế nào..:". Đúng là lòng dạ bối rối. Và đó là bi kịch của người anh hùng: "Thế sự du du nại lào hà – Vô cùng thiên địa nhập hàm ca" (Việc đời bối rối tuổi già vay – Trời đất vô cùng một cuộc say). Nói rằng "thiên địa nhập hàm ca" là biểu lộ một thái độ về sự đảo điên trong cuộc đời. Câu 1 và câu 2 tương phản về mặt ý nghĩa đã nói lên "nỗi lòng" cảm hoài của nhà thơ.

Hai câu trong phần "thực" đối nhau nêu bật "gặp thời" và "thất thế" đối với người anh hùng. Như một chiêm nghiệm lịch sử đầy cay đắng: "Thời lai đồ điếu thành công dị, Vận khứ anh hùng ẩm hận đa Đồ điếu là đồ tể, mổ thịt; điếu: câu cá. Gặp thời, những kẻ "đồ điếu' cùng dễ dàng làm nên công trạng, sự nghiệp lớn. Câu thơ gợi nhớ đến những nhân vật như Phàn Khoái bán thịt chó, Hàn Tín câu cá, về sau giúp Lưu Bang mà làm nên sự nghiệp lớn. Trái lại, nhiều anh hùng thất thè (vận khứ) phải nếm, phải uống nhiều hận (ẩm hận đa). Lịch sử từ bao đời nay đà cho ta thấy rõ điều nhà thơ cảm hoài. Trong câu thơ như có nhiều lệ. Đây là lời thơ dịch khá hay của Phan Kế Bính: "Trí tiện gặp thời, nên cũng dễ, Anh hùng lỡ bước, ngẫm càng cay". Sau trăm năm đã trôi qua, biết bao vật đổi sao dời, "phế, hưng mây lớp" mà ba chữ "ẩm hận đa" vẫn làm nhức nhối lòng người. Đó là nỗi cảm hoài vậy… Đó là nỗi cay đắng của người anh hùng thất thế, lỡ bước. Phần "luận" nói lên chí lớn của người ạnh hùng.

Hình tượng thơ kì vĩ tráng lệ: "Trí chủ hữu hoài phù địa trục, Tẩy bình vô lộ vãn thiên hà". Trên đường mưu đồ nghiệp lớn, cha bị Trần Ngỗi giết oan, ông đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết, vẫn dãi gió dầm sương, xông pha trận mạc, để phò chúa, cứu nước, mong đem lại thái bình cho dân tộc. "Phù địa trục" (nâng trục đất), "vãn thiên hà" (lôi sông ngân hà xuống) là hai hình ảnh kì vĩ, mang kính thước và tầm vóc vũ trụ, nói lên chí khí và khát vọng anh hùng trong thời loạn. Hai câu thơ hô ứng, đối chọi nhau, tạo nên giọng điệu anh hùng ca đầy ấn tượng. Câu thơ dịch khá hay, lột tả được ý vị cổ điển, trang trọng của vần thơ tráng lệ. "Vai nghiêng trái đất mong phò chúa, Giáp gột sông trời khó vạch mây".

Hình ảnh người anh hùng mài gươm dưới ánh trăng đã "mấy độ", trải qua nhiều năm tháng, mái tóc nay đã bạc, gợi lên màu sắc bi tráng. Trăng đã tà. Tuổi đã già. Thế mà "quốc thù" vẫn đè nặng tâm hồn nhà thơ: "Quốc thù vị báo đầu tiên bạch, Kỉ độ long tuyền đái nguyệt ma". "Long tuyền" là gươm báu, thanh gươm để giết giặc, trả mối thù nước, đem lại thái bình cho đất nước và nhân dân. Đây là hai câu

thơ đẹp nhất trong thơ văn Lí Trần, chói sáng "hào khí Đông A". Đúng như Lí Tử Tấn, một danh sĩ đầu thời Lê đã viết: "Phi hào kiệt chi sĩ bất nâng" (Không phải là kẻ sĩ hào kiệt thì không thể làm nổi). Không thể lấy sự thành, bại để luận anh hùng, Đặng Dung là một anh hùng hào kiệt. Bài thơ thấm đượm một tình yêu nước, nhức nhối nỗi đau của người anh hùng lỡ bước. Cốt cách thi sĩ lồng trong cốt cách anh hùng. Đó là tư thế hiên ngang lẫm liệt, cho đến chết vẫn mang nặng mối thù nước không nguôi. Đặng Dung đã "ẩm hận đa", sự nghiệp "quốc thù vị báo" không thực hiện được. Nhưng khí phách lẫm liệt, lòng yêu nước thiết tha của người anh hùng mãi mãi trường tồn cùng sông núi Đại Việt.

Bài thơ "Cảm hoài" cùng với tên tuổi Đặng Dung mãi mãi là bài ca yêu nước chống xâm lăng: "Thù trả chưa xong, đầu đã bạc, Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày!". Đó là "di hận" của người anh hùng vận khứ – lỡ vận. Nửa thế kỉ sau, Nguyễn Trãi trong bài thơ "Quan hải" cũng nói về môi "di hận" ây. Đó là nỗi đau muôn thuở: "Họa phúc hữu môi phi nhất nhật, Anh hùng di hận kỉ thiên niên". (Họa phúc có mang mối, đâu phải một ngày, Anh hùng để mối hận mấy nghìn năm sau).

Bình giảng bài thơ Cảm hoài của tác giả Đặng Dung Văn 10 hay nhất mẫu 3

Trong nền văn học trung đại Việt Nam, chí khí của người anh hùng trước vận nước luôn là đề tài quen thuộc. "Cảm hoài" của tác giả Đặng Dung là một trong số những tác phẩm tiêu biểu mang tính chất bi hùng và để lại nhiều cảm thức về cái bi. Ra đời trong hoàn cảnh trước khi tác giả bị tướng Minh Trương Phụ bắt và đang sống trong hoàn cảnh lẩn trốn trong rừng núi sâu và cảm thấy bế tắc trong con đường khôi phục lại sự nghiệp chống giặc Minh, bài thơ toát lên tâm trạng bi tráng của người anh hùng qua những hình ảnh kì vĩ có sức diễn tả mạnh mẽ khát vọng tình cảm của tác giả:

"Thế sự du du nại lão hà

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca

Thời lai đồ điếu thành công dị

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa

Trí chủ hữu hoài phù địa trục

Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch

Kỉ độ long tuyền đái nguyệt ma”

Mở đầu tác phẩm, tác giả đã đem đến bức tranh về xã hội Việt Nam thời bấy giờ cũng như bi kịch tâm trạng của tác giả:

“Thế sự du du nại lão hà

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca”

(Việc thế lôi thôi tuổi tác này

Mênh mông trời đất hát và say)

Bài thơ đã thể hiện “thế sự” rối ren của đất nước ta vào những năm giặc Minh giày xéo, xâm lược trong khi các cuộc khởi nghĩa nổi lên đều lực mỏng, thế cô. Ngày tháng qua mau, trong khi tuổi tác khiến con người sức càn lực kiệt. Trước “thế sự du du”, tác giả muốn “gom cả trời đất rộng lớn lại mà ném vào một cuộc say”. Hai câu thơ mở đầu đã cho thấy tầm vóc tư tưởng lớn lao, vĩ đại của chủ thể trữ tình. Khi đặt bài thơ vào hoàn cảnh thực của tác giả, chúng ta càng hiểu rõ hơn về chí khí này.

Đặng Dung vốn xuất thân trong một gia đình có truyền thống yêu nước kiên cường, bất khuất. Cha ông là Đặng Tất, và ông đều là những anh hùng hào kiệt ở thời hậu Trần, nhưng đáng tiếc thay, thời cuộc rối ren khiến Đặng Tất chết oan vì sự nghi kị của kẻ cầm quyền là Giản Định Đế, còn Đặng Dung lại tử tử đầy uất hận trong tay giặc Minh. Vì thế số phận của họ là những anh hùng lỡ vận và không gặp được minh chúa.

Hai câu thơ tiếp theo nói về quan điểm của tác giả về sự thành bại ở đời chung quy là do trời quyết định:

Thời lai đồ điếu thành công dị

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa

Tác giả đã sử dụng biện pháp đối lập giữa “đồ điếu” và “anh hùng” để thể hiện rõ quan điểm: khi gặp thời có thế, những người tầm thường cũng có thể thành công, còn khi không gặp thời, lỡ vận thì dẫu là người anh hùng cũng chỉ có thể nuốt hận. Mặc dù thấu hiểu rõ quy luật về thời thế nhưng tác giả vẫn rơi vào bi kịch, thậm chí tâm trạng đó còn bị dồn nén và đẩy lên cao độ, trở thành niềm bi phẫn trước thời cuộc rối ren và lòng căm thù đối với giặc Minh xâm lược.

Nối tiếp mạch trữ tình ở những câu thơ trước, hai câu thơ thứ 5 và thứ 6 thể hiện tâm trạng phẫn uất buồn đau một cách bi tráng:

Trí chủ hữu hoài phù địa trục

Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà

Khát vọng lớn lao của người anh hùng đã được diễn tả thành công thông qua hình ảnh "phù địa trục"- nâng trục trời đất, là cách nói đầy hình tượng thể hiện mong muốn nâng đỡ giang sơn đang nghiêng đổ và "tẩy binh" chỉ hành động rửa binh khí sẵn sàng ra trận.

Ở hai câu thơ cuối bài thơ, tiếng lòng đau đớn xót xa của tác giả một lần nữa được nhấn mạnh với vẻ đẹp tráng lệ:

"Quốc thù vị báo đầu tiên bạch

Kỉ độ long tuyền đái nguyệt ma"

(Quốc thù chưa trả già sao vội,

Dưới nguyệt mài gươm đã bấy chầy)

Chí khí quật cường và tinh thần kiên trì chiến đấu của tác giả hiện lên đầy bi tráng qua khí thơ dồn nén và nỗi niềm uất hận. Hình ảnh "dưới nguyệt mài gươm" được đặt trong bối cảnh "quốc thù" khiến hình tượng vị tướng quân với mối thù nước đau đáu trong lòng hiện lên đầy bi hùng. Chính trong cảm quan bi hùng, bi tráng đó mà sự bền bỉ và chí khí anh hùng toát lên một cách rõ nét.

Bằng ngôn ngữ thơ điêu luyện, những hình ảnh thơ kì vĩ, tác phẩm đã khắc họa thành công hình tượng nhân vật trữ tình với nỗi cảm hoài tê tái và tư tưởng mang tầm vóc vũ trụ. Tiếng lòng đau đớn xót xa về thời cuộc, về vận thế, về người anh hùng và thù nước hiện lên vừa bi hùng, vừa bi tráng.